

DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN CHÍNH THỨC TP.HCM DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA 2020

STT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ	TÊN	NS	TS	NS	NƠI SINH	LỚP	TỔNG	ĐỘI TUYỂN
1	Toán	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Bùi Khánh	Vĩnh	5	12	2002	Quảng Nam	12CT1	36	CHÍNH THỨC
2	Toán	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Đoàn Phương	Anh	2	4	2003	TP.HCM	10CT	35.75	CHÍNH THỨC
3	Toán	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Xuân	Minh	17	4	2003	TP.HCM	10CT	34	CHÍNH THỨC
4	Toán	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Lê Hoàng	Duy	24	12	2003	TP.HCM	11CT1	33.75	CHÍNH THỨC
5	Toán	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Phạm Đình Anh	Khoa	6	1	2002	TP.HCM	12CT1	30.5	CHÍNH THỨC
6	Toán	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Anh	Vũ	19	12	2002	TP.HCM	12CT1	30.25	CHÍNH THỨC
7	Toán	THPT Gia Định	Phạm Phong	Vũ	4	5	2002	Thanh Hóa	12CT	25.5	CHÍNH THỨC
8	Toán	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Bùi Ngọc	Huy	5	10	2002	TP.HCM	11CT	25	CHÍNH THỨC
9	Toán	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Phan Huỳnh Tuấn	Kiệt	29	7	2003	TP.HCM	11CT1	24.5	DỰ BỊ
10	Toán	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Hoài	Trung	26	1	2003	Lâm Đồng	11CT1	24.5	DỰ BỊ
11	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Quốc	Thái	7	2	2002	TP.HCM	12CL1	19.25	CHÍNH THỨC
12	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đỗ Hồng	Phúc	25	8	2003	TP.HCM	11CL1	16.25	CHÍNH THỨC
13	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đoàn Trung	Tín	28	11	2002	TP.HCM	12CL1	16.25	CHÍNH THỨC
14	Vật lý	THPT Gia Định	Lê Xuân	Trường	6	2	2003	TP.HCM	11CL	16.25	CHÍNH THỨC
15	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Kha	Sang	4	12	2002	TP.HCM	12CL1	15.5	CHÍNH THỨC
16	Vật lý	THPT Gia Định	Lê	Nguyên	7	11	2003	TP.HCM	11CL	15	CHÍNH THỨC
17	Vật lý	THPT Gia Định	Nguyễn Hồng	Quân	27	11	2002	TP.HCM	12CL	14	CHÍNH THỨC
18	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Ngô Quốc	Bình	3	12	2003	TP.HCM	11CL1	13.5	CHÍNH THỨC
19	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lê Tuấn	Minh	18	1	2003	TP.HCM	11CL1	12.5	DỰ BỊ
20	Vật lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Huỳnh Đại	Vĩnh	22	2	2002	TP.HCM	12CL1	12.5	DỰ BỊ
21	Hóa học	THPT Gia Định	Phùng Quốc	Huy	7	9	2002	TP.HCM	12CH	28.37	CHÍNH THỨC
22	Hóa học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	1	7	2003	TP.HCM	11CH1	25.11	CHÍNH THỨC
23	Hóa học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Trần	Khôi	27	1	2003	TP.HCM	11CH1	24.415	CHÍNH THỨC
24	Hóa học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Minh	Trí	17	9	2003	TP.HCM	10CH	24.085	CHÍNH THỨC
25	Hóa học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đặng Minh	Huy	24	1	2003	TP.HCM	11CH1	22.76	CHÍNH THỨC
26	Hóa học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Phạm Nhật Minh	Tú	30	6	2003	TP.HCM	11CH1	22.165	CHÍNH THỨC
27	Hóa học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Lập Hoàng	Anh	6	12	2002	TP.HCM	11CH	21.685	CHÍNH THỨC
28	Hóa học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Đăng Minh	Hoàng	9	11	2002	TP.HCM	11CH	20.04	CHÍNH THỨC
29	Hóa học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đậu Nguyễn	Cường	5	5	2003	TP.HCM	11CH1	19.98	CHÍNH THỨC
30	Hóa học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Bùi Đình Song	Huy	30	11	2002	TP.HCM	12CH1	19.6	CHÍNH THỨC
31	Hóa học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Song Như	Ngọc	31	5	2002	TP.HCM	11CH	17.825	DỰ BỊ
32	Hóa học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Đinh Thanh Huyền	Linh	20	12	2003	TP.HCM	10CH	17.505	DỰ BỊ
33	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Hoàng	Việt	31	12	2002	TP.HCM	12CS	32	CHÍNH THỨC
34	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lê Nguyễn Hoàng	Mai	8	2	2002	TP.HCM	12CS	31	CHÍNH THỨC
35	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Quang Lan	Hương	12	2	2002	TP.HCM	12CS	30.25	CHÍNH THỨC

STT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ	TÊN	NS	TS	NS	NƠI SINH	LỚP	TỔNG	ĐỘI TUYỂN
36	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lý Thiên	Định	11	12	2002	TP.HCM	12CS	29.75	CHÍNH THỨC
37	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	21	1	2003	TP.HCM	11CS	28.5	CHÍNH THỨC
38	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lê Hữu	Nghĩa	22	12	2003	TP.HCM	11CS	27	CHÍNH THỨC
39	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Hồ Trọng	Tường	11	1	2003	TP.HCM	11CS	26.5	CHÍNH THỨC
40	Sinh học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Võ Hùng	Cường	24	11	2003	TP.HCM	10CS	25.75	CHÍNH THỨC
41	Sinh học	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Trần Dương Anh	Thư	14	11	2002	TP.HCM	11CS	25.25	CHÍNH THỨC
42	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Trọng	Nghĩa	14	7	2002	TP.HCM	12CS	24.25	CHÍNH THỨC
43	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Hà Xuân	Quỳnh	17	4	2003	TP.HCM	11CS	23	DỰ BỊ
44	Sinh học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dương Lục Ánh	Xuân	25	12	2003	TP.HCM	11CS	21.75	DỰ BỊ
45	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Bảo	Lợi	10	4	2002	TP.HCM	12CTin-A	36.9	CHÍNH THỨC
46	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	17	6	2002	TP.HCM	12CTin-A	36.2	CHÍNH THỨC
47	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Đức	Mạnh	16	2	2002	Quảng Nam	12CTin-A	36.2	CHÍNH THỨC
48	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lê Vũ Ngân	Trúc	21	4	2003	TP.HCM	11CTIN	36.2	CHÍNH THỨC
49	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Vũ Minh	Duy	22	1	2002	TP.HCM	12CTin-A	29.4	CHÍNH THỨC
50	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Phạm Văn Tấn	Sang	27	10	2003	TP.HCM	11CTIN	28.4	CHÍNH THỨC
51	Tin học	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Vũ Đình	Minh	21	3	2002	Hà Nội	12A05	26.5	CHÍNH THỨC
52	Tin học	THPT Gia Định	Trần Bình	Kha	16	9	2003	TP.HCM	11CTin	25.1	CHÍNH THỨC
53	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Thanh Thảo	Ly	29	12	2003	TP.HCM	11CTIN	24.5	CHÍNH THỨC
54	Tin học	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Nguyễn Hoàng	Minh	31	8	2003	TP.HCM	11A06	24	CHÍNH THỨC
55	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lê Vũ Ngân	Lam	21	4	2003	TP.HCM	11CTIN	23.4	DỰ BỊ
56	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Hoàng	Phúc	11	10	2002	Bình Phước	12CTin-A	23.2	DỰ BỊ
57	Tin học	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Mai Kiên	Quốc	11	7	2003	TP.HCM	11CTIN	23.2	DỰ BỊ
58	Ngữ văn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Vân	Anh	8	12	2002	TP.HCM	12CV1	23.5	CHÍNH THỨC
59	Ngữ văn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Vũ Thu	Thảo	3	10	2002	Tây Ninh	12CV1	22	CHÍNH THỨC
60	Ngữ văn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Huỳnh Bảo Hạnh	Vi	10	6	2003	TP.HCM	11CV1	22	CHÍNH THỨC
61	Ngữ văn	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Võ Nguyễn Ngọc	Hân	12	6	2003	TP.HCM	11CV1	21	CHÍNH THỨC
62	Ngữ văn	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Kim Hồng	Nhung	2	11	2002	Vĩnh Phúc	11CV	21	CHÍNH THỨC
63	Ngữ văn	THPT Gia Định	Phan Thanh	Thảo	5	4	2002	TP.HCM	12CV	21	CHÍNH THỨC
64	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Trần Bảo	Ngọc	24	5	2002	TP.HCM	12CV	20.5	DỰ BỊ
65	Ngữ văn	THPT Marie Curie	Vũ Minh	Đức	6	7	2003	TP.HCM	10D02	20	DỰ BỊ
66	Ngữ văn	THPT Gia Định	Đoàn Võ Diệu	Linh	17	3	2002	TP.HCM	12CV	20	DỰ BỊ
67	Ngữ văn	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Phạm Đoàn Phương	Thảo	10	11	2002	TP.HCM	11CV	20	DỰ BỊ
68	Lịch sử	THPT Gia Định	Nguyễn Hoài Hương	Giang	22	4	2003	TP.HCM	11CV	32.25	CHÍNH THỨC
69	Lịch sử	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26	3	2002	TP.HCM	12CV1	29.5	CHÍNH THỨC
70	Lịch sử	THPT Gia Định	Tổng Thị Mỹ	Tiên	18	1	2002	TP.HCM	12CV	28.5	CHÍNH THỨC
71	Lịch sử	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đặng Tường Kim	Ngân	7	9	2003	TP.HCM	11CV1	26.25	CHÍNH THỨC

STT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ	TÊN	NS	TS	NS	NƠI SINH	LỚP	TỔNG	ĐỘI TUYỂN
72	Lịch sử	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đinh Huỳnh Tuyết	Nhi	15	1	2003	TP.HCM	11A2	21.25	CHÍNH THỨC
73	Lịch sử	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Mỹ	Anh	14	4	2003	TP.HCM	11B	18.5	CHÍNH THỨC
74	Lịch sử	THPT Bình Phú	Trần Chung Quế	Sỏi	15	6	2002	TP.HCM	11A13	18.25	DỰ BỊ
75	Lịch sử	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lương Thụy Hồng	Loan	29	5	2003	TP.HCM	11CV2	18	DỰ BỊ
76	Lịch sử	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Chung Thế	Sang	23	4	2002	TP.HCM	12A	18	DỰ BỊ
77	Địa lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Lê Vĩnh	Nguyên	1	9	2003	TP.HCM	11CH1	22.5	CHÍNH THỨC
78	Địa lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Quách Tú	Anh	8	3	2003	TP.HCM	11CV1	21.75	CHÍNH THỨC
79	Địa lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Hoàng Vương Hoa	Châu	5	1	2002	TP.HCM	12D	21.75	CHÍNH THỨC
80	Địa lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lương Quang	Khải	14	2	2003	Lâm Đồng	11D	21.75	CHÍNH THỨC
81	Địa lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dương Tân	Nhi	24	4	2002	TP.HCM	12CTR-N	19.5	CHÍNH THỨC
82	Địa lý	THPT Mạc Đĩnh Chi	Lương Đại	Đức	9	1	2003	TP.HCM	11A22	19.25	CHÍNH THỨC
83	Địa lý	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Võ Vân	Anh	22	12	2003	TP.HCM	11D	18.75	DỰ BỊ
84	Địa lý	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Đỗ Thùy	Giang	17	10	2003	TP.HCM	11A10	18.5	DỰ BỊ
85	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Đặng Lưu Bảo	Khánh	27	1	2002	TP.HCM	11CA3	31	CHÍNH THỨC
86	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Lương Hà Trung	Nhi	11	10	2002	TP.HCM	11CA3	29.5	CHÍNH THỨC
87	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Trần Thị Anh	Thư	18	2	2003	TP.HCM	10CA1	28.5	CHÍNH THỨC
88	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Phương	Linh	6	12	2003	TP.HCM	10CA1	27.75	CHÍNH THỨC
89	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Bùi Quốc	Khải	6	8	2004	TP.HCM	10CA2	27.25	CHÍNH THỨC
90	Tiếng Anh	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Huỳnh Gia	Huy	7	5	2002	TP.HCM	12CA1	26.75	CHÍNH THỨC
91	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Đỗ Khắc	Nguyên	13	5	2002	TP.HCM	11CA3	26	CHÍNH THỨC
92	Tiếng Anh	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Hoàng	Nhân	24	12	2002	TP.HCM	12CA1	25.75	CHÍNH THỨC
93	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Vũ Anh	Thuyền	5	1	2002	TP.HCM	11CA2	25.75	CHÍNH THỨC
94	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Trần Hồ Gia	Bảo	17	5	2002	TP.HCM	11CA3	25.75	CHÍNH THỨC
95	Tiếng Anh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Võ Phạm Anh	Khoa	27	6	2003	TP.HCM	10CA1	25.5	DỰ BỊ
96	Tiếng Anh	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Minh	Khôi	16	11	2003	TP.HCM	11CA1	24.75	DỰ BỊ
97	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Vũ Hoàng	Nguyên	21	10	2003	TP.HCM	11SN	35	CHÍNH THỨC
98	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đặng Mỹ	An	26	11	2002	TP.HCM	12SN	29.25	CHÍNH THỨC
99	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Nguyễn Khánh	Duy	19	9	2002	TP.HCM	12SN	26.725	CHÍNH THỨC
100	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Võ Trúc	Hà	15	4	2003	TP.HCM	11SN	26.7	CHÍNH THỨC
101	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Văn Như	Tuyền	20	5	2003	TP.HCM	11SN	25.8	CHÍNH THỨC
102	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lê Hoàng Mỹ	Ngọc	21	12	2002	TP.HCM	12SN	24.2	CHÍNH THỨC
103	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Thái Thiên	Tú	22	10	2002	TP.HCM	12SN	24.15	CHÍNH THỨC
104	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trần Diễm Thảo	Nghi	6	10	2003	TP.HCM	11SN	22.825	CHÍNH THỨC
105	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Minh	Nhật	26	10	2003	TP.HCM	11SN	22.3	CHÍNH THỨC
106	Tiếng Pháp	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Ngọc Minh	Anh	23	4	2002	TP.HCM	12P02	21.1	CHÍNH THỨC
107	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Hoàng	Dung	16	9	2003	TP.HCM	11SN	20.475	DỰ BỊ

STT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ	TÊN	NS	TS	NS	NƠI SINH	LỚP	TỔNG	ĐỘI TUYỂN
108	Tiếng Pháp	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nguyễn Hoàng	Minh	2	9	2002	TP.HCM	12SN	20.325	DỰ BỊ
109	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Quách Yến	Ngân	14	8	2002	TP.HCM	12CTR-N	34.3	CHÍNH THỨC
110	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Lý Gia	Hân	20	9	2002	TP.HCM	12CTR-N	33.4	CHÍNH THỨC
111	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Huỳnh Võ Thủy Đăng	Đài	25	10	2002	TP.HCM	12CTR-N	32.6	CHÍNH THỨC
112	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Đặng Y	Kỳ	20	6	2003	TP.HCM	11CTR-N	31.7	CHÍNH THỨC
113	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Diệp Bội	Dinh	13	9	2002	TP.HCM	12CTR-N	30.65	CHÍNH THỨC
114	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Huỳnh Huệ	Tâm	14	2	2003	TP.HCM	11CTR-N	30.6	CHÍNH THỨC
115	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Triệu Bích	Phương	5	7	2002	TP.HCM	12CTR-N	30	CHÍNH THỨC
116	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Ồn Tuấn	Hào	7	3	2003	TP.HCM	11CTR-N	28.4	CHÍNH THỨC
117	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Liaw Gia	Hân	4	7	2001	TP.HCM	11CTR-N	28.05	CHÍNH THỨC
118	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Vương Thu	Hương	18	9	2002	TP.HCM	12CTR-N	28.05	CHÍNH THỨC
119	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Quan Phối	Linh	11	10	2002	TP.HCM	12CTR-N	27.8	DỰ BỊ
120	Tiếng Trung	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Dư Uyển	Hoa	5	3	2002	TP.HCM	12CTR-N	26.5	DỰ BỊ

Tổng cộng danh sách có 94 học sinh trong đội tuyển chính thức và 26 học sinh trong đội tuyển dự bị.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu